

tr-êng ®'i hãc hụ néi
trung t@m ®µo t'ò tồ xa

danh s, ch sinh vi^n kho, 19B dù thi hỐt hãc phÇn V - tx.202

Tổ chức tại : Q1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày thi: 06/11/2010

S TT	MS SV	Họ Và Tên	Năm Sinh	TX.202			
				Nghe	Nói	Đọc	Viết
1	TX.01	Nguyễn Thị Hồng Anh	21/12/84	7.0	6.0	6.0	6.5
2	TX.02	Nguyễn Ngọc Phương Anh	15/11/78	6.5	7.0	6.0	6.0
3	TX.03	Võ Chí Cang	14/06/66	8.5	6.0	6.0	6.5
4	TX.04	Lương Thị Bích Diễm	22/01/83	7.0	6.0	7.0	7.0
5	TX.05	Phan Minh Đức	16/04/88	8.0	8.0	6.5	7.0
6	TX.06	Trần Vũ Ngân Giang	11/09/90	8.0	6.0	6.5	6.0
7	TX.07	Phạm Đình Lâm Giang	25/02/89	8.5	7.0	6.5	5.0
8	TX.08	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/11/71	7.5	7.0	6.5	6.5
9	TX.09	Lưu Thị Mỹ Hạnh	01/08/90	8.0	6.0	6.5	7.0
10	TX.10	Đặng Bích Hảo	08/04/83	7.5	7.0	6.5	6.5
11	TX.11	Hà Thị Diệu Hiền	27/12/76	8.0	7.0	6.0	6.0
12	TX.12	Lưu Kim Hiền	24/12/85	7.0	8.0	6.5	6.0
13	TX.13	Trương Thị Đông Hiền	06/06/86	8.0	6.0	6.5	6.5
14	TX.14	Trương Vĩnh Hiệp	11/08/76	8.0	7.0	6.5	5.5
15	TX.15	Huỳnh Thị Ngọc Hòa	14/07/90	8.0	7.0	7.5	6.5
16	TX.16	Võ Minh Hòa	28/11/85	7.5	8.0	6.5	7.0
17	TX.17	Lê Thị Hồng	16/04/83	5.0	6.0	6.0	6.5
18	TX.18	Lê Nguyễn Phương Hồng	27/09/88	8.0	7.0	6.5	6.0
19	TX.19	Huỳnh Quế Hương	23/04/77	7.0	8.0	6.5	7.0
20	TX.20	Nguyễn Thị Phương Kiều	18/09/90	8.0	6.0	6.5	6.0
21	TX.21	Phạm Thị Mỹ Linh	27/01/80	7.5	5.0	6.5	6.0
22	TX.22	Võ Thanh Kim Linh	21/12/83	8.0	7.0	7.0	6.5
23	TX.23	Phạm Hoàng Mỹ Linh	08/06/86	7.0	5.0	6.5	6.0
24	TX.24	Nguyễn Dương Thị Mai Ly	22/11/90	8.0	7.0	7.0	7.0
25	TX.25	Nguyễn Thảo Ly	14/08/82	7.0	7.0	6.5	6.0
26	TX.26	Nguyễn Hoàng Mai	03/07/54	7.0	8.0	6.5	6.0
27	TX.27	Nguyễn Quang Minh	14/03/87	6.5	6.0	7.0	6.0
28	TX.28	Vũ Hoài Mong	21/02/72	8.5	7.0	6.0	6.0
29	TX.29	Nguyễn Hoàng Nam	13/10/79	7.0	8.0	6.5	7.0
30	TX.30	Trần Ngọc Nga	16/12/79	8.0	6.0	7.0	7.0
31	TX.31	Bùi Thị Thanh Ngân	07/10/90	8.0	7.0	7.0	6.5

S TT	MS SV	Họ Và Tên	Năm Sinh	TX.202				
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
33	TX.33	Vũ Thị Kim	Ngọc	15/03/90	8.0	6.0	3.0	5.0
34	TX.34	Phan Hoàng Thảo	Nguyên	25/05/90	8.0	5.0	6.5	7.0
35	TX.35	Võ Thụy Thảo	Nguyên	02/01/87	7.5	6.0	6.5	6.0
36	TX.36	Lê Hà Khôi	Nguyên	19/07/90	7.5	7.0	7.0	7.0
37	TX.37	Nguyễn Châu	Nguyên	13/10/84	6.0	8.0	6.5	7.0
38	TX.38	Lim Thanh	Nguyên	10/10/84	8.0	6.0	4.0	6.0
39	TX.39	Đỗ Thị Minh	Nguyệt	23/11/90	8.0	8.0	7.0	6.5
40	TX.40	Trần Thị	Nhung	22/01/54	8.0	7.0	6.5	6.0
41	TX.41	Đinh Thị Kiều	Oanh	14/08/90	7.5	7.0	6.5	6.5
42	TX.42	Nguyễn Châu	Phú	06/05/78	7.0	7.0	5.0	6.5
43	TX.43	Ngô Văn	Sơn	20/08/65	7.0	6.0	7.5	5.0
44	TX.44	Nguyễn Thị Phương	Tâm	02/11/87	7.0	2.0	7.5	6.5
45	TX.45	Phạm Bảo	Thái	.1986.	7.0	7.0	6.5	6.5
46	TX.46	Hồ Trọng	Thanh	05/04/86	8.0	7.0	7.0	6.5
47	TX.47	Nguyễn Công	Thành	24/07/71	6.0	7.0	7.5	6.0
48	TX.48	Trần Thị Hồng	Thảo	18/10/88	8.0	5.0	5.5	6.0
49	TX.49	Phạm Phương	Thảo	11/08/90	7.5	7.0	6.5	6.0
50	TX.50	Lê Thị Thanh	Thảo	15/07/88	7.5	7.0	6.5	6.5
51	TX.51	Nguyễn Văn	Thống	10/08/75	8.0	6.0	6.0	7.0
52	TX.52	Phạm Thị Anh	Thư	20/05/89	8.0	6.0	6.5	6.0
53	TX.53	Trần Minh	Thư	23/03/84	8.0	7.0	7.0	6.0
54	TX.54	Nguyễn Anh	Thư	29/01/83	7.5	5.0	6.5	6.0
55	TX.55	Nguyễn Thành	Thuận	31/12/60	6.5	8.0	6.5	6.5
56	TX.56	Nguyễn Xuân Bích	Thuận	11/02/83	6.0	8.0	6.5	7.5
57	TX.57	Phạm Phương	Thúy	26/07/86	7.0	6.0	6.5	6.0
58	TX.58	Đoàn Thị Thanh	Thúy	22/10/87	7.5	7.0	6.0	6.0
59	TX.59	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	22/05/90	8.0	5.0	6.5	5.0
60	TX.60	Trần Vũ Anh	Thy	16/05/76	8.0	5.0	5.5	5.0
61	TX.61	Bùi Thị Kim	Tiến	01/07/83	7.0	7.0	6.5	7.0
62	TX.62	Trần Trung	Tín	08/09/85	7.0	5.0	4.0	6.5
63	TX.63	Phan Thị Minh	Trang	18/11/87	7.0	7.0	6.0	6.0
64	TX.64	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/02/83	7.5	6.0	6.0	7.0
65	TX.65	Chu Đức	Tuấn	19/02/86	7.0	5.0	6.5	6.5
66	TX.66	Văn Minh	Tuấn	21/06/84	7.5	5.0	5.5	6.0
67	TX.67	Đinh Thanh	Tùng	07/06/89	7.0	5.0	6.0	5.0
68	TX.68	Hồ Thị Kim	Tuyển	29/12/84	8.0	6.0	6.0	6.5
69	TX.69	Bùi Văn	Tuyển	10/11/75	7.5	6.0	7.5	6.5
70	TX.70	Phó Thùy Khánh	Vân	14/11/84	7.0	8.0	6.5	7.0
71	TX.71	Nguyễn Thị	Vinh	21/06/76	8.0	6.0	6.5	7.0
72	TX.72	Nguyễn Thị	Vinh	25/04/82	8.0	6.0	6.5	7.0

S TT	MS SV	Họ Và Tên	Năm Sinh	TX.202				
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
73	TX.73	Lưu Hoàng Anh	Vũ	17/10/87	8.0	7.0	6.5	7.0
74	TX.74	Nguyễn Thị Lệ	Xuân	08/03/89	7.0	7.0	6.5	6.5
75	TX.75	Lương Thị Vĩ	Yên	20/10/90	7.5	6.0	6.5	6.0

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Người lên điểm
 TL. Hiệu Trưởng

Phạm Minh Hoài

danh s, ch sinh viên thi IAI hắc phÇn V - tx.202

Tổ chức tại : Q1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày thi: 06/11/2010

S TT	MS SV	Họ Và Tên	Năm Sinh	TX.202				
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
1	TL.01	Huỳnh Thái	An	10/08/87	6.0	7.0	6.5	5.0
2	TL.02	Nguyễn Thị Thiên	Ân	02/10/67	8.5	7.0	6.0	5.0
3	TL.03	Nguyễn Năng	An	25/01/81	7.0	6.0	7.0	5.0
4	TL.04	Nguyễn Yên	Anh	18/03/83	8.0	7.0	6.0	5.0
5	TL.05	Trịnh Thị	Ánh	01/01/76	6.0	7.0	4.0	5.0
6	TL.06	Trịnh Thị Ngọc	Cầm	02/11/83	7.5	6.0	6.5	6.0
7	TL.07	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/04/89	6.0	6.0	4.0	5.0
8	TL.08	Nguyễn Mạnh	Cường	30/12/68	7.0	6.0	6.5	5.0
9	TL.09	Nguyễn Cao Quốc	Cường	21/12/89	7.0	6.0	6.5	5.0
10	TL.10	Vũ Hữu	Cường	27/02/83	7.5	7.0	6.5	6.0
11	TL.11	Đỗ Mưu	Duệ	19/09/84	6.0	6.0	6.5	4.0
12	TL.12	Phạm Ngọc	Dũng	19/08/85	7.0	5.0	5.0	5.5
13	TL.13	Võ Ngọc Lan	Giao	07/07/72	7.0	7.0	5.0	5.0
14	TL.14	Nguyễn Hồng	Hà	10/08/87	5.0	7.0	4.0	5.0
15	TL.15	Lương Dịu	Hà	20/08/83	8.5	6.0	3.5	6.5
16	TL.16	Võ Thị Ngọc	Hân	09/12/89	6.0	7.0	7.5	5.0
17	TL.17	Trần Ngọc	Hân	16/11/88	7.0	5.0	6.5	6.5
18	TL.18	Nguyễn Ngọc	Hiếu	12/07/85	7.5	7.0	7.0	6.0
19	TL.19	Lê Thanh	Hòa	.1987.	7.5	8.0	6.5	6.5
20	TL.20	Nguyễn Thị Minh	Hoàng	02/08/57	7.0	6.0	4.0	4.0
21	TL.21	Hồ Ngọc Băng	Hồng	04/10/83	6.5	7.0	6.5	6.5
22	TL.22	Hồ Hoài	Hương	17/12/73	6.0	7.0	3.0	5.0
23	TL.23	Ngưuễn Thi Mông	Huyền	29/10/82	5.0	6.0	5.5	5.0

S TT	MS SV	Họ Và Tên	Năm Sinh	TX.202				
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
25	TL.25	Võ Trần Nhật	Linh	25/10/86	7.5	6.0	7.0	6.5
26	TL.26	Trần Huệ	Linh	27/10/88	7.5	5.0	6.5	5.0
27	TL.27	Huỳnh Đức	Long	04/09/85	7.0	6.0	6.5	6.5
28	TL.28	Nguyễn Thị	Mai	10/11/72	6.5	7.0	6.5	6.5
29	TL.29	Trương Thị Ngọc	Miên	18/11/86	8.0	6.0	5.0	5.0
30	TL.30	Lê Tự Thanh	Minh	27/07/85	6.5	6.0	6.0	5.5
31	TL.31	Nguyễn Thị Hằng	Nga	25/11/71	7.5	7.0	7.0	5.0
32	TL.32	Nguyễn Văn	Ngộ	10/11/90	7.5	5.0	6.5	4.0
33	TL.33	Nguyễn Thanh	Nhàn	07/10/87	5.0	5.0	5.0	4.0
34	TL.34	Huỳnh Hoàng	Oanh	18/04/87	8.5	7.0	3.5	6.5
35	TL.35	Võ Trọng	Thành	18/08/87	7.5	8.0	5.5	5.0
36	TL.36	Bùi Thị Phương	Thảo	10/10/89	7.0	6.0	4.0	5.0
37	TL.37	Lê Hồng	Thủy	30/03/87	8.5	7.0	5.0	6.5
38	TL.38	Trần Thị Thủy	Tiên	20/03/90	7.5	7.0	3.0	4.0
39	TL.39	Triệu Đạt	Trí	20/10/72	6.0	6.0	4.5	5.0
40	TL.40	Nguyễn Anh	Tuấn	08/09/83	6.0	6.0	5.0	5.0
41	TL.41	Lê Minh	Tuấn	31/07/90	6.5	7.0	6.0	6.5
42	TL.42	Võ Thị Kim	Tuyền	09/06/86	5.0	7.0	6.5	5.0
43	TL.43	Võ Thị Hồng	Tuyết	21/04/86	7.0	7.0	6.5	6.5
44	TL.44	Phạm Vũ Quỳnh	Uyên	18/09/81	x	7.0	x	x
45	TL.45	Võ Thị Hồng	Vân	03/05/83	7.0	6.0	6.5	4.5
46	TL.46	Huỳnh Thế	Vinh	16/03/82	7.5	6.0	5.5	6.0
47	TL.47	Đặng Thế	Võ	04/12/80	5.0	7.0	5.0	4.0
48	TL.48	Lê Thoại	Vy	26/12/80	4.0	6.0	3.5	5.0
49	TL.49	Nguyễn Lê Thụy	Vy	26/10/84	6.0	7.0	5.5	5.0
50	TL.50	Lâm Thị	Xuân	02/10/87	5.5	6.0	5.5	6.0

Người lên điểm

Hà Nội, ngày tháng năm 20
TL. Hiệu Trưởng

Phạm Minh Hoài

[illegible]

[illegible]

Ghi Chú

011

Ghi Chú
18B
19A
18B
19A
18B
18B
18B
18B
18A
18B
19A
18B
18B
19A - Trượt
18B
19A
18B - Trượt
18B - Trượt
18B

Ghi Chú
18B
18B
19A
19A- Trượt
18B
18B
19A
19B - Trượt
18B
18A
18B
Vắng
18B
19A
18B- Trượt
18B